

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày: 25/3/2021
V/v tranh chấp “*hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng Xét Xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Tuấn
2. Bà Đặng Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên
tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C Xét Xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra Xét Xử số 98/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2021/QĐST-DS ngày 05/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Lệ X, sinh năm 1983, (Có mặt).
 2. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1980, (Vắng mặt).
- Cùng ngụ ấp Tây Thượng, Xã Mỹ H, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1972, (Vắng mặt).
 2. Bà Trần Thị Mai N, Sinh năm 1975, (Có mặt).
- Cùng ngụ ấp Tây Thượng, Xã Mỹ H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/5/2019, ông Phan Thanh H và bà Trần Thị Lệ X có cho ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị Mai N vay số tiền 440.000.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Ngày 19/8/2019 (âm lịch), ông S, bà N có trả 195.000.000 đồng trên số tiền vốn vay thì ngưng đến nay. Mặc dù đã nhiều lần đòi nhưng phía ông S, bà N. Nay, ông H, bà X khởi kiện yêu cầu ông S, bà N trả số tiền vay 245.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 12/5/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra Xét Xử.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Biên nhận ngày 12/5/2019, ông H, bà X có cho ông S, bà N vay 440.000.000 đồng. Ngoài ra, bà X Xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

Bị đơn, ông Huỳnh Văn S tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Lệ X vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông S, bà Mai N có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 245.000.000 đồng; bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi suất, bà tự nguyện rút lại phần lãi suất vì giữa bà và bị đơn có mối quan hệ bà con ruột. Bà X, Xác định chồng bà là ông Phan Thanh H (đồng nguyên đơn) đã nhận được tổng đạt hợp lệ hai lần của Tòa án tham gia phiên tòa nhưng bận việc gia đình không đến dự phiên tòa được; bà và ông H vẫn còn tồn tại hôn nhân hợp pháp.

Bị đơn, Trần Thị Mai N có mặt tại phiên tòa được mở lại lần thứ hai, bà N thống nhất có việc vay mượn tiền từ vợ chồng nguyên đơn thừa nhận đã trả nhiều lần, còn nợ số tiền vay 245.000.000 đồng, nhưng trong đó bà đã trả thêm được 50.000.000 đồng vào số tiền hui cho phía nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ, giấy tờ gì thể hiện cho việc đã trả số tiền 50.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng Xét Xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng Xét Xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành Xét Xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 12/5/2019, ông Phan Thanh H và bà Trần Thị Lệ X có cho ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị Mai N vay 440.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Ngày 19/8/2019, ông S, bà N có trả 195.000.000 đồng trên số tiền vốn vay thì ngưng đến nay. Nay, ông H, bà X yêu cầu ông S, bà N trả số tiền vay 245.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 12/5/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra Xét Xử.

Xét thấy, căn cứ ông H, bà X khởi kiện là biên nhận nợ ngày 12/5/2019, nội dung: Ông S, bà N có vay của ông H, bà X số tiền 440.000.000 đồng và có chữ ký Xác nhận của ông S, bà N. Mặt khác, ông S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi trong quá trình giải quyết vụ án nên ông H, bà X kiện yêu cầu trả nợ là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Phía ông S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ý kiến.

Đồng nguyên đơn ông Phan Thanh H tuy đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên cần đình chỉ đối với yêu cầu của ông H.

Bà Trần Thị Mai N có mặt tại phiên tòa được mở lại lần thứ hai, bà N thống nhất có việc vay mượn tiền từ vợ chồng nguyên đơn thừa nhận đã trả nhiều lần, còn nợ số tiền vay 245.000.000 đồng, nhưng trong đó bà đã trả thêm được 50.000.000 đồng vào số tiền hui cho phía nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ, giấy tờ gì thể hiện cho việc đã trả số tiền 50.000.000 đồng nên không có cơ sở Xem Xét chấp nhận.

Về lãi Xuất, do ông S, bà N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, bà X nên việc ông H, bà X yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Tuy nhiên, do đình chỉ đối với yêu cầu của ông H và tại tòa bà X tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tiền lãi. Đây là sự từ nguyện của bà X nên cần đình chỉ đối với yêu cầu về phần lãi suất.

Đề nghị Hội đồng Xét Xử,

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự,

Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Phan Thanh H, bà Trần Thị Lệ X và ông Huỳnh Văn S, bà Trần Thị Mai N.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ X đối với ông Huỳnh Văn S, bà Trần Thị Mai N.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh H;

Buộc ông Huỳnh Văn S, bà Trần Thị Mai N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Lệ X số tiền 245.000.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Trần Thị Lệ X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng Xét Xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Xác định có cho vợ chồng bị đơn vay tiền, bị đơn còn nợ số tiền 245.000.000 đồng. Hội đồng Xét Xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn Huỳnh Văn S, bà Trần Thị Mai N có địa chỉ cư trú tại Xã Mỹ H, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: đồng nguyên đơn Phan Thanh H, bị đơn Huỳnh Văn S tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do. Do đó, Hội đồng Xét Xử vẫn tiến hành đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, Xét Xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Căn cứ Xác lập, thực hiện hợp đồng:

Ngày 12/5/2019, ông Phan Thanh H và bà Trần Thị Lệ X có cho ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị Mai N vay 440.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Ngày 19/8/2019 (âm lịch), ông S, bà N có trả 195.000.000 đồng trên số tiền vốn vay thì ngưng đến nay. Nay, ông H, bà X yêu cầu ông S, bà N trả số tiền vay 245.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 12/5/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra Xét Xử.

Căn cứ ông H, bà X khởi kiện là biên nhận nợ ngày 12/5/2019, nội dung: Ông S, bà N có vay của ông H, bà X số tiền 440.000.000 đồng, có chữ ký Xác nhận của ông S, bà N. Mặt khác, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi trong quá trình giải quyết vụ án nên ông H, bà X kiện yêu cầu trả nợ là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Bà Trần Thị Mai N có mặt tại phiên tòa được mở lại lần thứ hai, bà N thống nhất có việc vay mượn tiền từ vợ chồng nguyên đơn thừa nhận đã trả nhiều lần, còn nợ số

tiền vay 245.000.000 đồng, nhưng trong đó bà đã trả thêm được 50.000.000 đồng vào số tiền hui cho phía nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ, giấy tờ gì thể hiện cho việc đã trả số tiền 50.000.000 đồng nên không có cơ sở Xem Xét chấp nhận.

Đồng nguyên đơn ông Phan Thanh H tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên cần đình chỉ đối với yêu cầu của ông H.

[4.2] Về lãi Xuất, do ông S, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ vay còn thiếu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, bà X. Do đó, ông H, bà X yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở. Tuy nhiên, do đình chỉ đối với yêu cầu của ông H và tại tòa bà X tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu đối với số tiền lãi. Đây là sự từ nguyện của bà X, hoàn toàn phù hợp pháp luật, không trái đạo đức Xã hội nên cần đình chỉ đối với yêu cầu về phần lãi suất.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự,

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí;

1. Xử:

Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Phan Thanh H, bà Trần Thị Lệ X và ông Huỳnh Văn S, bà Trần Thị Mai N.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ X đối với ông Huỳnh Văn S, bà Trần Thị Mai N.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh H;

Buộc ông Huỳnh Văn S, bà Trần Thị Mai N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Lệ X số tiền 245.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Trần Thị Lệ X.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án Xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N, ông S phải chịu 12.250.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.125.000 đồng (Sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) theo biên lai thu số 0013693 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.\

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị Lệ X, bị đơn Trần Thị Mai N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang Xét Xử phúc thẩm.

Đối với, ông H, ông S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong